Chi tiết mã HS 1702.20.00

Mã HS	1702.20.00
Mô tả hàng hóa	Đường khác, kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo, đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen / - Đường từ cây thích (maple) và xirô từ cây thích
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	18/11/2026 05:39:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/17022000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2296
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2296
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2296
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2303
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2264
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2264
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2264
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2264
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2264
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2264
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2302
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2302
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2302
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2302

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2302
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2302
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2304
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2304
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2304
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2304
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2304
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2304
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2306
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2270
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2266
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2266
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2266
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2266
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2266
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2266
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2264
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2264
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2264
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2264
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2264
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2264
VCFTA	2022	2022	2	VC!D2313
VCFTA	2023	2023	1	VC!E2313
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2313
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2313

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2313
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2313
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D2306
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E2306
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F2306
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G2306
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H2306
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I2306
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2318
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2318
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2318
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2318
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2318
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2318
EVFTA	2022	2022	2,1	EV-NK!D2285
EVFTA	2023	2023	1,9	EV-NK!E2285
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F2285
EVFTA	2025	2025	1,3	EV-NK!G2285
EVFTA	2026	2026	1	EV-NK!H2285
EVFTA	2027	2027	0,8	EV-NK!I2285
UKVFTA	2022	2022	2,1	UKV!D2287
UKVFTA	2023	2023	1,9	UKV!E2287
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F2287
UKVFTA	2025	2025	1,3	UKV!G2287
UKVFTA	2026	2026	1	UKV!H2287
UKVFTA	2027	2027	0,8	UKV!I2287

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2283
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2283
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2283
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2283
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2283
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2283
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2283
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2304
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2304
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2304
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2304
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2304
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2304
RCEP B	2022	2022	0	B!D2304
RCEP B	2023	2023	0	B!E2304
RCEP B	2024	2024	0	B!F2304
RCEP B	2025	2025	0	B!G2304
RCEP B	2026	2026	0	B!H2304
RCEP B	2027	2027	0	B!I2304
RCEP C	2022	2022	0	C!D2304
RCEP C	2023	2023	0	C!E2304
RCEP C	2024	2024	0	C!F2304
RCEP C	2025	2025	0	C!G2304
RCEP C	2026	2026	0	C!H2304
RCEP C	2027	2027	0	C!I2304
RCEP D	2022	2022	0	D!D2304

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E2304
RCEP D	2024	2024	0	D!F2304
RCEP D	2025	2025	0	D!G2304
RCEP D	2026	2026	0	D!H2304
RCEP D	2027	2027	0	D!I2304
RCEP E	2022	2022	0	E!D2307
RCEP E	2023	2023	0	E!E2307
RCEP E	2024	2024	0	E!F2307
RCEP E	2025	2025	0	E!G2307
RCEP E	2026	2026	0	E!H2307
RCEP E	2027	2027	0	E!I2307
RCEP F	2022	2022	0	F!D2304
RCEP F	2023	2023	0	F!E2304
RCEP F	2024	2024	0	F!F2304
RCEP F	2025	2025	0	F!G2304
RCEP F	2026	2026	0	F!H2304
RCEP F	2027	2027	0	F!I2304
VIFTA	2024	2024	10	VI!F2152
VIFTA	2025	2025	10	VI!G2152
VIFTA	2026	2026	10	VI!H2152
VIFTA	2027	2027	10	VI!I2152

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1702.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 1702.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2296), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.